

Số: /QĐ-UBND

Khánh Cư, ngày 02 tháng 10 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

V/v **Phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn đê sông Vạc đoạn từ cống xóm Soi đến đường 480C xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh (năm 2023) - giai đoạn 03**

### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÁNH CƯ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08/9/2023 của HĐND xã Khánh Cư về chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn đê sông Vạc đoạn từ cống xóm Soi đến đường 480C xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh (năm 2023) - giai đoạn 03;*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật công trình số 127/TĐ-KTHT ngày 29/9/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên Khánh;*

*Xét đề nghị của công chức Địa chính-Xây dựng.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật công trình Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn đê sông Vạc đoạn từ cống xóm Soi đến đường 480C xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh (năm 2023) - giai đoạn 03 gồm các nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn đê sông Vạc đoạn từ cống xóm Soi đến đường 480C xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh (năm 2023) - giai đoạn 03.

**2. Chủ đầu tư:** UBND xã Khánh Cư.

**3. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật:** Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bảo Minh

**4. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn đê sông Vạc đoạn từ cống xóm Soi đến đường 480C xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh (năm 2023) - giai đoạn 03 nhằm

góp phần phục vụ cứu hộ, cứu nạn đê sông Vạc, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân địa phương trong và ngoài khu vực, đảm bảo an toàn cho người và các phương tiện khi tham gia giao thông, tăng cường kết nối hệ thống giao thông, làm trong sạch môi trường, tăng mỹ quan, góp phần hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Khánh Cư.

## **5. Nội dung và quy mô:**

### **5.1. Hạng mục đường giao thông:**

#### **5.1.1. Thiết kế bình đồ tuyến:**

Tuyến được thiết kế cơ bản trên cơ sở đường hiện trạng kết hợp mở rộng nền, mặt đường. Các vị trí đầu tuyến, cuối tuyến và các vị trí giao cắt với đường hiện trạng được thiết kế vuốt nối êm thuận. Công trình bao gồm 02 tuyến: Tuyến 1 Có chiều dài  $L=29,70m$ , Tuyến 2 Có chiều dài  $L=84,81m$ .

#### **5.1.2. Thiết kế mặt cắt ngang:**

##### **\*. Quy mô mặt cắt ngang Tuyến 1:**

- Bề rộng nền đường:  $B_{nền} = 5,40m \div 5,90m$ ;
- Bề rộng mặt đường:  $B_{mặt} = 5,0m$ ;
- Bề rộng lề đường bên trái:  $Bl_{\text{trái}} = 0,40m \div 0,50m$ ;
- Bề rộng lề đường bên phải:  $Bl_{\text{phải}} = 0,0m \div 0,50m$ ;

##### **\*. Quy mô mặt cắt ngang Tuyến 2:**

- Bề rộng nền đường:  $B_{nền} = 8,00m \div 8,50m$ ;
- Bề rộng mặt đường:  $B_{mặt} = 5,0m$ ;
- Bề rộng lề đường bên trái:  $Bl_{\text{trái}} = 0,50m \div 2,00m$ ;
- Bề rộng lề đường bên phải:  $Bl_{\text{phải}} = 0,50m \div 1,50m$ ;

#### **Dốc ngang**

+ Độ dốc ngang mặt đường:  $i_m = 2\%$ .

+ Độ dốc ngang lề đường :  $i_l = 4,0\%$ .

#### **5.1.3. Thiết kế trắc dọc**

- Cao độ đường đò phù hợp với cao độ tại các điểm khống chế và phù hợp với hiện trạng hạ tầng xung quanh, cao độ đường đò Tuyến 1 thiết kế với cao trình  $(+1,75)$ , cao độ đường đò Tuyến 2 thiết kế với cao trình từ  $(+1,95) \div (+1,75)$ , đầu tuyến và cuối tuyến được vuốt nối êm thuận về đường hiện trạng.

- Cao độ đường đò lấy tại tim đường.

- Độ dốc trắc dọc từ  $0\% \div 1,3\%$ .

#### **5.1.4. Kết cấu nền, mặt đường:**

- Kết cấu áo đường được thiết kế theo TCCS 39:2022/TCĐBVN và tham khảo kết cấu điển hình đường giao thông nông thôn theo TCVN10380:2014.

- Kết cấu áo đường từ trên xuống như sau:
  - + BTXM M250# đá 1x2 dày 18cm;
  - + Lớp giấy dầu ngăn cách;
  - + Lớp móng CPĐD loại I dày 16 cm;
  - + Lớp bù vênh mặt đường hiện trạng bằng cát đen đầm chặt (áp dụng trên Tuyến 2 đối với đoạn kết cấu áo đường phạm vi trên mặt đường cũ còn tốt).
- Khe co, khe giãn:
  - + Khe ngang (gồm khe co và khe giãn) được bố trí vuông góc với tim đường (bố trí hướng tâm tại vị trí đường cong).
  - + Các tấm liên kết tại các khe.
  - + Các khe cắt sau và được trám bằng matit nhựa.
  - + Kích thước tấm BTXM mặt đường phổ biến là BxL=5,0x5,0m, trung bình 5,0m bố trí 1 khe co. Vị trí, chi tiết cấu tạo khe co, khe giãn xem trong bản vẽ mặt bằng chia tấm mặt đường bê tông.
- Kết cấu vuốt đường ngang từ trên xuống như sau:
  - + BTXM M250# đá 1x2;
  - + Lớp giấy dầu ngăn cách;
  - + Lớp móng CPĐD loại I;
  - Nền đường: Tiến hành đào nền đường, đào đất không thích hợp (KTH) dày trung bình 30cm. Đắp nền, đắp bù đào đất KTH bằng đất đá hỗn hợp đầm chặt  $K \geq 0,90$  (30 cm dưới đáy KCAĐ đắp bằng đất đá hỗn hợp đầm chặt  $K \geq 0,95$ ).
  - + Độ dốc mái taluy đắp là 1:1,5; mái taluy đào là 1:1
- 5.1.5. Hạng mục kè mái taluy, kết hợp hoàn thiện rãnh thoát nước:
  - Xây dựng tường kè mái taluy, kết hợp hoàn thiện rãnh thoát nước trên Tuyến 1 với tổng chiều dài kè (đã bao gồm chiều dài hoàn thiện kết cấu rãnh thoát nước):  $L = 173,22\text{m}$ .
  - Xây dựng tường kè mái taluy bên trái Tuyến 2 với tổng chiều dài kè:  $L = 59,50\text{m}$ .
  - Vị trí xây kè xem trên bản vẽ bình đồ.
  - Kết cấu kè mái taluy, kết cấu hoàn thiện rãnh thoát nước Tuyến 1:
    - + Thân kè, móng kè, đáy rãnh bằng đá hộc xây VXM M100# đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.
    - + Gia cố móng kè bằng cọc tre loại A,  $L = 2,0\text{m}$ , mật độ đóng 16 cọc/1m<sup>2</sup>.
    - + Bề rộng đỉnh tường kè  $B = 0,40\text{m}$ .
    - + Giằng đỉnh kè bằng BTCT đá 1x2 đổ tại chỗ M200#, kích thước BxH = 0,4x0,2m.

+ Trát mặt tường phía lòng rãnh bằng VXM mác 75 dày 2cm, láng đáy rãnh VXM mác 75# dày 3cm.

+ Thân kè và móng kè được bố trí khe phòng lún rộng 2cm, chèn khe bằng bao tải tấm nhựa đường. Khoảng cách giữa các khe phòng lún phổ biến là 11,8m.

- Thanh chống: Khoảng cách bố trí thanh chống 2 tường kè trung bình 5,90m/1 thanh. Kết cấu thanh chống: Bằng BTCT đúc sẵn đá 1x2 mác 250#, tiết diện ngang thanh chống (BxH) = (0,2x0,2)m, chiều dài L=1,90m.

- Kết cấu kè mái taluy Tuyến 2:

+ Thân kè, móng kè bằng đá hộc xây VXM M100# đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

+ Gia cố móng kè bằng cọc tre loại A, L = 2,0m, mật độ đóng 16 cọc/1m<sup>2</sup>.

+ Bề rộng đỉnh tường kè b=0,40m.

+ Thân kè và móng kè được bố trí khe phòng lún rộng 2cm, chèn khe bằng bao tải tấm nhựa đường. Khoảng cách giữa các khe phòng lún phổ biến là 11,8m.

- Xây cao tường kè hiện trạng bên trái Tuyến 2 trung bình 30cm bằng gạch không nung VXM mác 75#, dày 22cm, trát mặt ngoài, mặt trên (phần tường xây cao) bằng VXM mác 75# dày 1.5cm.

5.2. Tấm đan qua rãnh (Tuyến 1):

Thiết kế bố trí tấm đan chịu lực qua rãnh phạm vi giao cắt với đường nội đồng. Kết cấu tấm đan bằng BTCT đúc sẵn đá 1x2 M250# kích thước tấm (DxRxC)=(2,50x2,30x0,15)m;

5.3. Cống thoát nước trên tuyến:

Thiết kế cải tạo, xây dựng mới một số vị trí cống thoát nước ngang trên tuyến.

### BẢNG THỐNG KÊ CỐNG THOÁT NƯỚC

Stt	Lý trình	Hiện trạng			Giải pháp thiết kế		
		Loại cống	K.thước/ Khẩu độ (m)	Đánh giá hiện trạng	Phương án TK	Loại cống	K.thước/ Khẩu độ (mm)
<b>I</b>	<b>CỐNG THOÁT NƯỚC TUYẾN 1</b>						
1	Km 0+151,28	Cống tròn	ĐK=0,3	Đã hư hỏng	Làm mới	Cống tròn	ĐK=300
2	Km 0+192,68	Cống tròn	ĐK=0,3	Đã hư hỏng	Làm mới	Cống tròn	ĐK=300
3	Km 0+225,09	Cống tròn	ĐK=0,3	Đã hư hỏng	Làm mới	Cống tròn	ĐK=300

Stt	Lý trình	Hiện trạng			Giải pháp thiết kế		
		Loại công	K.thước/ Khẩu độ (m)	Đánh giá hiện trạng	Phương án TK	Loại công	K.thước/ Khẩu độ (mm)
4	Km 0+261,50	Công tròn	ĐK=0,3	Đã hư hỏng	Làm mới	Công tròn	ĐK=300
5	Km 0+272,50	Công bản	B=0,5	Đã hư hỏng	Làm mới	Công hộp	BxH = 600x600
6	Km 0+298,46	Công bản	B=0,5	Đã hư hỏng	Làm mới	Công hộp	BxH = 600x600

\* Kết cấu công hộp (BxH)=(600x600)mm:

- Đốt công bằng BTCT đúc sẵn đá 1x2 M250# thành bên dày 8cm, đỉnh, đáy dày 10cm;

- Móng công, móng tường hèm phai, móng khung van bằng BTXM đổ tại chỗ đá 1x2 M150#, trên lớp đệm đá dăm đầm chặt dày 10cm.

- Gia cố móng công, móng tường hèm phai, móng khung van bằng cọc tre loại A, L = 2,0m, mật độ đóng 16 cọc/1m<sup>2</sup>.

- Mối nối công: Chèn mối nối công bằng VXM mác100#, mặt ngoài mối nối bằng giấy dầu tẩm nhựa (2 lớp giấy dầu, 3 lớp nhựa).

- Kết cấu hèm phai, khung van, cánh phai:

+ Hèm phai bằng BTXM đổ tại chỗ đá 1x2 mác 250#, khung van bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 mác 250#, cánh phai bằng BTCT đúc sẵn đá 1x2 mác 250#, cạnh xung quanh cánh phai bố trí gia cường bằng thép hình được sơn chống rỉ 3 nước.

+ Hệ thống nâng hạ cánh phai: Sử dụng hệ thống vít nâng V1 bao gồm máy vít cơ (điều khiển bằng tay quay), trục vít và phụ kiện đồng bộ.

\* Kết cấu công hộp tròn D300mm:

+ Đốt công bằng BTCT đúc sẵn đá 1x2 M250# thành dày 7cm;

+ Móng công bằng BTXM đổ tại chỗ đá 1x2 M150#, trên lớp đệm đá dăm đầm chặt dày 10cm.

- Mối nối công: Chèn mối nối công bằng VXM mác100#, mặt ngoài mối nối bằng giấy dầu tẩm nhựa (2 lớp giấy dầu, 3 lớp nhựa).

#### 5.4. Hệ thống ATGT:

Bố trí cọc tiêu an toàn giao thông trên đỉnh kè phía tiếp giáp đường giao thông (trên Tuyến 1). Kết cấu cọc tiêu bằng BTCT đúc sẵn đá 1x2 mác 200#, thân cọc tiêu được sơn theo quy định QCVN41-2019.

#### 6. Địa điểm xây dựng: Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh.

**7. Loại, cấp công trình:** Công trình giao thông nông thôn cấp B (theo TCVN 10380:2014).

**8. Tổng mức đầu tư: 1.500.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)

Trong đó:	Chi phí xây dựng	:	1.306.732.000	đồng
	Chi phí QLDA	:	39.516.000	đồng
	Chi phí tư vấn đầu tư XD	:	126.001.000	đồng
	Chi phí khác	:	18.485.000	đồng
	Chi phí dự phòng	:	9.266.000	đồng

**9. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách huyện hỗ trợ (tại Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của HĐND).

**10. Hình thức quản lý dự án:** Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

**11. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2023.

**Điều 2.** Văn phòng HĐND và UBND xã, cán bộ Địa chính - Xây dựng, Kế toán xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Bình Minh**